

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2026/DS-PT
Ngày: 30 - 01 - 2026
V/v: Tranh chấp đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Anh

Các Thẩm phán: Bà Đoàn Thị Kiều Hương.

Bà Lưu Thị Hồng Thê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diệu Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan; Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026 tại: Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2025/TLPT - DS ngày 15 tháng 12 năm 2025, về việc: Tranh chấp kiện đòi tài sản.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2026/QĐPT-DS ngày 14/01/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Xồng Bá R; Sinh năm 1994;

Nơi cư trú: Bản Na Cánh, xã Na Ngoi, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Công Thiết, Trợ giúp viên - Thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Và Bá B (tên gọi khác: Và Bá Minh); sinh năm 1998;

Nơi cư trú: Bản Nậm Càn, xã Na Ngoi, tỉnh Nghệ An; Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Và Pà Chồng, sinh năm: 1951;

Nơi cư trú: Bản Nậm Càn, xã Na Ngoi, tỉnh Nghệ An; Có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Và Y N; sinh năm: 1997;

Nơi cư trú: Bản Nậm Càn, xã Na Ngoi, tỉnh Nghệ An; Có mặt.

4. Người làm chứng:

- Anh Và Bá Lầu; sinh năm: 1992;

Nơi cư trú: Bản Nậm Càn, xã Na Ngoi, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt.
- Ông Và Vá Chơ; sinh năm: 1973;
Nơi cư trú: Bản Nậm Càn, xã Na Ngoi, tỉnh Nghệ An; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 07 năm 2024, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, nguyên đơn anh Xông Bá R trình bày:

Vào ngày 15/07/2020, khi đó anh đang đi xuất khẩu lao động làm thuê tại Nhật Bản, anh nhận được một cuộc gọi qua ứng dụng messenger (có nhìn rõ cả hình ảnh và âm thanh) của anh Và Bá B với nick facebook là "Cố Sống Qua Ngày". Anh Và Bá B nói rằng anh Và Bá B đang rất thích một con bò ở bên Lào, nhưng hiện tại anh Và Bá B không có tiền để mua con bò đó nên đã trao đổi với anh Xông Bá R để vay số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu) để mua con bò đó. Đồng thời hứa rằng khi nào bán được bò sẽ trả lại đầy đủ số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu) cho anh Xông Bá R. Sau khi nghe anh Và Bá B trao đổi như vậy thì anh Xông Bá R nghĩ vì đó là em trai của vợ (chị Và Y N) nên anh Xông Bá R đã đồng ý cho anh Và Bá B vay số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu). Do có mối quan hệ là em trai vợ nên anh Xông Bá R không yêu cầu anh Và Bá B phải trả tiền lãi suất. Khi vay tiền anh Và Bá B đã hứa khi nào bán được bò hoặc khi anh Xông Bá R về nước sẽ trả lại đầy đủ số tiền đó cho anh Xông Bá R. Anh Xông Bá R và vợ (chị Và Y N) đã thống nhất để anh Và Bá B nhận được tiền thì anh Xông Bá R sẽ chuyển khoản cho vợ là chị gái của anh Và Bá B, chị Và Y N rút tiền xong sẽ đưa số tiền đó cho anh Và Bá B.

Ngày 16/07/2020, anh Xông Bá R đã chuyển khoản số tiền là 36.181.244 đồng (Ba mươi sáu triệu, một trăm tám mươi một nghìn, hai trăm bốn mươi bốn) cho số tài khoản là 3618205053262, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tên chủ tài khoản là Và Y N (vợ anh Xông Bá R).

Đến ngày 20/07/2020, anh Và Bá B và chị Và Y N cùng nhau xuống rút tiền tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Huyện Kỳ Sơn, Tây Nghệ An, địa chỉ: khối 1, thị trấn Mường Xén, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An với số tiền được rút là: 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu).

Sau đó, chị Và Y N đã đưa số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu) cho anh Và Bá B, còn số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu) thì anh Xông Bá R cho chị Và Y N để chi tiêu. Khi nhận được tiền thì anh Và Bá B đã nhắn tin thông báo cho anh Xông Bá R là đã được nhận đủ số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu) như thỏa thuận.

Đến khoảng tháng 08 năm 2023, anh Xông Bá R có gọi điện thoại liên lạc và nhắn tin nhiều lần cho anh Và Bá B thông báo rằng anh Xông Bá R cần số tiền đó để trả nợ và yêu cầu anh Và Bá B trả lại số tiền đã vay. Nhưng anh Và Bá B đã tìm nhiều lý do gây khó dễ cho anh Xông Bá R nhằm trốn tránh việc trả lại số tiền đã vay.

Đến nay, anh Và Bá B vẫn chưa trả lại số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu). Vì vậy, anh Xồng Bá R đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12- Nghệ An) căn cứ các quy định pháp luật buộc anh Và Bá B phải có trách nhiệm trả lại cho anh số tiền đã vay là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu). Về lãi suất: Anh Xồng Bá R không yêu cầu anh Và Bá B phải trả tiền lãi suất.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn vắng mặt, tuy nhiên bị đơn có đơn trình bày và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Và Pà Chổng trình bày:

Anh Và Bá B thừa nhận có vay anh Xồng Bá R số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu) tuy nhiên hiện nay anh Và Bá B đã trả hết số tiền vay cho gia đình anh Xồng Bá R (cụ thể là trả cho chị Và Y N vợ anh Xồng Bá R). Hiện tại, anh Và Bá B không còn vay mượn tiền, tài sản gì của anh Xồng Bá R. Anh Và Bá B và đại diện theo ủy quyền Và Pà Chổng không đồng ý trả số tiền trên cho anh Xồng Bá R. Anh Và Bá B đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Và Y N quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Và Y N vắng mặt, tuy nhiên chị Và Y N có đơn trình bày:

Chị Và Y N thừa nhận trước đó anh Xồng Bá R có gửi về số tiền 36.181.244 đồng (Ba mươi sáu triệu, một trăm tám mươi một nghìn, hai trăm bốn mươi bốn) thông qua số tài khoản ngân hàng của chị mở tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Chị và anh Và Bá B đã cùng nhau xuống rút tiền tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Huyện Kỳ Sơn, Tây Nghệ An với số tiền được rút là: 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu). Khi đó chị đã đưa cho Và Bá B số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu) như thỏa thuận trước đó của anh Xồng Bá R và Và Bá B. Tuy nhiên, anh Và Bá B đã trả hết số tiền vay cho vợ chồng chị trước khi chưa ly hôn. Hiện tại Và Bá B không còn nợ khoản tiền và tài sản nào của anh Xồng Bá R. Trong thời gian anh Xồng Bá R đi lao động, không có mặt ở nhà chị và con gái bị bệnh, chị đã sang nhà anh Và Bá B lấy khoản tiền trên để chị và con gái đi điều trị tại bệnh viện và chi tiêu hàng ngày. Chị Và Y N đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa những người làm chứng trình bày:

Ông Và Vả Chơ trình bày: Ông thừa nhận biết việc trước đó anh Và Bá B (con trai ông) có vay tiền anh Xồng Bá R là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu). Tuy nhiên, anh Và Bá B đã trả hết số tiền vay cho chị Và Y N để trang trải cuộc sống, chăm sóc con cái.

Anh Và Bá Lầu trình bày: Anh thừa nhận biết việc trước đó anh Và Bá B (em trai anh) có vay anh Xồng Bá R số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu). Tuy nhiên, anh cho rằng anh Và Bá B đã trả hết số tiền vay cho chị Và Y N để chị Và Y N trang trải cuộc sống, chăm sóc con cái trong thời gian anh Xồng Bá R không có mặt ở nhà.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn vắng mặt tại phiên

tòa nhưng có văn bản trình bày:

Việc anh Và Bá B vay mượn số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu) của anh Xồng Bá R là có thật (*anh Và Bá B thừa nhận tại biên bản Hòa giải của BQL bản ngày 30/11/2023; biên bản Hòa giải của xã Nậm Cắn ngày 13/12/2023; Đơn trình bày ngày 19/10/2024; đơn trình bày ngày 21/12/2024; Có đoạn tin nhắn, đoạn ghi âm việc vay mượn tiền do anh Xồng Bá R cung cấp*). Anh Và Bá B trình bày là đã trả số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu) cho anh Xồng Bá R. Tuy nhiên không có bất cứ tài liệu giấy tờ nào chứng minh việc anh Và Bá B đã trả số tiền này cho anh Xồng Bá R.

Số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu) anh Và Bá B trả cho anh Xồng Bá R thông qua vợ của anh Xồng Bá R là chị Và Y N trước đây (nay đã ly hôn) theo như lời trình bày của chị Và Y N là không có căn cứ. Chị Và Y N cũng không chứng minh được việc đã nhận số tiền đó từ anh Và Bá B và chứng minh đã thông báo cho anh Xồng Bá R biết là đã nhận số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu) mà anh Và Bá B đã vay.

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ cho thấy việc ông Xồng Bá R khởi kiện ra Tòa án nhân dân khu vực 12 - Nghệ An buộc ông Và Bá B trả lại số tiền gốc đã vay mượn 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu) trước đó là có căn cứ pháp luật. Vì vậy Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Xồng Bá R buộc anh Và Bá B phải trả số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu) cho anh Xồng Bá R, không tính lãi suất do nguyên đơn không yêu cầu.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12, tỉnh Nghệ An đã quyết định: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025;

Căn cứ vào các Điều 116, 117, 118, 119, 166, 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Xồng Bá R.

Buộc anh Và Bá B (tên gọi khác: Và Bá Minh) phải có nghĩa vụ trả cho anh Xồng Bá R số tiền đã vay là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, lãi suất do chậm thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự trong vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16 tháng 10 năm 2025 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Và Y N kháng cáo: 1. Yêu cầu xác định số tiền 30.000.000 đồng

là tài sản có trước thời kỳ hôn nhân, xác định khi anh Và Bá B vay tiền anh anh Xồng Y R thì chị Và Y N và anh Xồng Bá R là vợ chồng thực tế.

2. Yêu cầu bồi thường công sức lao động của chị Và Y N từ năm 2014 đến năm 2023, nội trợ có thu nhập 200.000 đồng/ngày .

3. Số tiền 30.000.000 đồng chị Và Y N xác định anh Và Bá B đã trả cho chị Và Y N để trang trả cuộc sống trong thời gian chị và anh Xồng Bá R chung sống với nhau như vợ chồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan giữ nguyên đơn kháng cáo.

Nguyên đơn anh Xồng Bá R giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn yêu cầu không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm: quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định tại Điều 30, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định đúng tư cách đương sự, việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đảm bảo đúng quy định.

Tại cấp phúc thẩm, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định; Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về tính có căn cứ, hợp pháp của kháng cáo: Kháng cáo của Chị Và Y N đúng thời hạn và đã nộp tiền tạm ứng án phí đầy đủ nên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý là đúng quy định. Về nội dung kháng cáo: Nguồn gốc số tiền anh Xồng Bá R cho anh Và Bá B vay là của anh R tạo lập trong thời gian anh R đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài. Tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện chị Và Y N và anh R chỉ sống chung với nhau như vợ chồng, không phải là vợ chồng hợp pháp được pháp luật công nhận nên tài sản do anh R tự tạo lập trong thời gian sống chung với chị N không mặc nhiên được xem là tài sản chung của chị N và anh R. Hồ sơ vụ án cũng không có tài liệu chứng cứ chứng minh anh R ủy quyền cho chị N nhận số tiền 30.000.000đ từ anh B thay anh R, cũng không có tài liệu chứng cứ chứng

minh anh R biết và chấp nhận, thừa nhận việc anh B trả nợ số tiền 30.000.000đ cho chị N. Ngoài lời khai thì chị N anh B và những người làm chứng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh việc trả tiền, hiện tại chị N và anh R không còn chung sống với nhau và đã được Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng. Mặt khác, theo quyết định của bản án sơ thẩm thì anh B có nghĩa vụ thanh toán cho anh R số tiền 30.000.000đ nhưng anh B không kháng cáo bản án sơ thẩm.

Từ những phân tích nêu trên, thấy rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh Và Bá B phải trả lại cho anh Xồng Bá R số tiền 30.000.000đ đã vay là có cơ sở. Đối với số tiền anh B đã trả cho chị Và Y N thì anh B có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác. Chị Và Y N có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung, trích trả công sức, chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, chăm lo gia đình với anh Xồng Bá R bằng vụ án khác.

- Đối với yêu cầu làm rõ nguyên nhân mục đích anh Xồng Bá R không đi đăng ký kết hôn với chị Và Y N; buộc anh R bồi thường công sức lao động cho chị N từ năm 2014 - 2023 với số tiền 200.000đ/ngày để mẹ con chị ổn định cuộc sống công việc:

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn không yêu cầu, bị đơn không có yêu cầu phản tố và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung trên, nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét. Do Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, giải quyết nên Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở xem xét. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung trên bằng vụ án khác.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Và Y N, áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp đòi lại tài sản thuộc thẩm quyền xét xử sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 12, tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, hình thức và nội dung đơn kháng cáo hợp lệ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã hỏi ý kiến của các đương sự có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án hay không nhưng các đương sự không thỏa thuận được. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Và Y N. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và Y N kháng cáo yêu cầu bồi thường công sức lao động của chị Và Y N từ năm 2014 đến năm 2023 với số tiền 200.000 đồng/ngày. Đây là yêu cầu không liên quan trong vụ án này, chị N nên yêu cầu này cấp phúc thẩm không xem xét, chị N có quyền khởi kiện ở vụ án khác.

Đối với kháng cáo yêu cầu xác định số tiền 30.000.0000 đồng là tài sản có trong thời kỳ hôn nhân và xác định anh B đã trả cho chị N trang trải cuộc sống gia đình trong thời gian anh R và chị N sống chung như vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng ngày 15/07/2020 anh Xồng Bá R đang ở Nhật Bản cho anh Và Bá B (niché facebook là "Cố Sống Qua Ngày") vay số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu) để mua bò thông qua cuộc gọi ứng dụng messenger, không yêu cầu lãi suất. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Và Bá B cũng thừa nhận có vay anh Xồng Bá R số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu) để mua bò. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tình tiết nêu trên là tình tiết không phải chứng minh trong vụ án. Quá trình cho vay anh Xồng Bá R cho rằng, hai bên đã thỏa thuận khi nào anh Và Bá B bán được bò hoặc khi nào anh Xồng Bá R về nước thì anh Và Bá B có trách nhiệm trả đầy đủ số tiền trên cho anh Xồng Bá R. Đến khoảng tháng 08 năm 2023, anh Xồng Bá R có gọi điện thoại liên lạc và nhắn tin nhiều lần cho anh Và Bá B thông báo rằng anh Xồng Bá R cần số tiền đó để trả nợ và yêu cầu anh Và Bá B trả lại số tiền đã vay. Nhưng anh Và Bá B đã tìm nhiều lý do gây khó dễ cho anh Xồng Bá R nhằm trốn tránh việc trả lại số tiền đã vay. Đến nay, anh Và Bá B vẫn chưa trả lại số tiền đã vay là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu). Đối với việc anh Xồng Bá R có chuyển tiền cho chị Và Y N rút về và giao cho anh Và Bá B anh B cũng thừa nhận phương thức giao nhận tiền này, đồng thời anh Xồng Bá B và chị Và Y N chỉ chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn nên pháp luật không công nhận quan hệ vợ chồng, do đó chị Và Y N không đồng thời là chủ thể của hợp đồng vay, cũng không có căn cứ nào chứng minh anh Xồng Bá R ủy quyền cho chị Và Y N nhận tiền nợ thay. Nay anh Xồng Bá R buộc anh Và Bá B phải có trách nhiệm trả lại cho anh số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu) là có căn cứ, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Và Bá B phải có nghĩa vụ trả cho anh Xồng Bá R số tiền đã vay là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu). Do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn bị đơn trả lại số tiền 30.000.000 đồng là có căn cứ nên kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ nên không chấp nhận kháng cáo.

[3]. Về án phí phúc thẩm: kháng cáo của bị V và Y N không được chấp nhận nên bị N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Không chấp nhận kháng cáo của bị V và Y N. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DSST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12, tỉnh Nghệ An.

2. Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Xồng Bá R.

Buộc anh V và B (tên gọi khác: V và B Minh) phải có nghĩa vụ trả cho anh Xồng Bá R số tiền đã vay là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

2.1. Bị đơn anh V và B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn);

2.2. Trả lại cho anh Xồng Bá R số tiền 750.000 đồng (Ba trăm ba mươi nghìn) đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai thu số 0001092 ngày 16/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 – Nghệ An).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị V và Y N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0001929 ngày 27/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

4. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND khu vực 12;
- THADS khu vực 12;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Anh

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thúy Ngọc

Nguyễn Thị Thu Từ

Nguyễn Thị Thanh Nga